

CÔNG KHAI THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên trung tâm: TRUNG TÂM NGUYỄN QUỐC HIỆU 2
- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có): NQH ENGLISH CENTER 2
- Địa chỉ hoạt động giáo dục: 721-723 Hậu Giang, Phường Bình Phú, TPHCM
- Điện thoại: 0931 673 679
- Địa chỉ thư điện tử: nqh.english@gmail.com
- Cổng thông tin điện tử (website): nqhIELTS.edu.vn

2. Tên chi nhánh và địa chỉ hoạt động của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Tên chi nhánh	Địa chỉ hoạt động	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử	Cổng thông tin điện tử (website)
TRUNG TÂM NGUYỄN QUỐC HIỆU 2	721-723 Hậu Giang, Phường Bình Phú, TPHCM	0931 673 679		

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư

- Loại hình cơ sở giáo dục: Trung tâm ngoại ngữ, tin học/ Cơ sở giáo dục bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài.

- Chủ sở hữu:
- Quốc gia/ Vùng lãnh thổ:
- Danh sách tổ chức, cá nhân góp vốn:

STT	Tên Tổ chức, cá nhân góp vốn	Tỉ lệ %
1.	Chế Ngọc Bảo Trân	60,000%
2.	Nguyễn Quốc Hiệu	30,000%
3.	Lương Huy Khang	10,000%

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: Trung Tâm tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu của người học; tuyển sinh và quản lý người học; tổ chức kiểm tra, đánh giá và cấp giấy xác nhận hoàn thành các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, do trung tâm tổ chức theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tầm nhìn: Thời kỳ kinh tế hội nhập mở ra nhiều cơ hội cho những ai giỏi ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh - ngôn ngữ phổ biến nhất trên thế giới hiện nay. Đây là thứ ngôn ngữ chung được sử dụng trong giao tiếp, công việc, giao lưu quốc tế, hỗ trợ những hoạt động cộng đồng mang tầm vĩ mô, toàn cầu.



- Mục tiêu:

- Chương trình giáo dục về tiếng Anh được biên soạn phù hợp với từng đối tượng học viên. Mục tiêu của chương trình nhằm trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng cần thiết về tiếng Anh, đặc biệt là khả năng giao tiếp thông qua các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết.
- Kiến thức: Trang bị nền tảng kiến thức cho học viên tiếng Anh.
- Kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh được học trong phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các trình độ.
- Thái độ: Tăng cường ý thức và ý thích học tiếng Anh phục vụ cuộc sống và công việc. Thêm hiểu biết những khác biệt về văn hóa và tăng cường mối quan hệ hữu nghị với các nước thông qua học tiếng Anh.

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- Hiện nay, Việt Nam đang bước sang giai đoạn kinh tế mới với nhiều cơ hội và thách thức. Với việc mở cửa thị trường giúp Việt Nam có một cơ hội phát triển kinh tế vô cùng mạnh mẽ, cùng với đó là sự đòi hỏi về nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng các yêu cầu về lao động trong thời đại hội nhập. Tiếng Anh là một trong những môn học giúp chúng ta tiếp cận, nắm bắt những cơ hội quan trọng. Vì vậy nhu cầu về đào tạo và phát triển tiếng Anh, ở Việt Nam ngày càng được chú trọng và nâng cao.

- Tại Hồ Chí Minh hiện nay, đang có nhiều chính sách đổi mới nhiều mặt trong đó có đổi mới phát triển kinh tế địa phương. Rất nhiều doanh nghiệp nước ngoài có trụ sở tại đây, đồng thời nhu cầu học của thiếu nhi cũng như người lớn tại Hồ Chí Minh là rất lớn đặc biệt là Chương trình tiếng Anh.

2. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

- Họ và tên: Lương Huy Khang
- Chức vụ: Giám Đốc
- Địa chỉ làm việc: 22 Trương Vĩnh Ký, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú
- Số điện thoại: 0772026789
- Địa chỉ thư điện tử:

3. Tổ chức bộ máy:

- a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Tên quyết định	Tên trung tâm	Số quyết định	Ngày cấp quyết	Cơ quan cấp

- b. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Tên quyết định	Tên trung tâm	Số quyết định	Ngày cấp quyết	Cơ quan cấp

- c. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc,

nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

- Họ và tên:
- Chức vụ:
- Điện thoại:
- Địa chỉ nơi làm việc:
- Nhiệm vụ:
- Trách nhiệm:

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Ký tên, đóng dấu

ghi rõ họ và tên



Huy Khang



CÔNG KHAI THÔNG TIN THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

- Các khoản chi:

- Chi tiền lương:

STT	Nội dung chi	Số tiền (đơn vị tính đồng)
1.	Lương	1,094,563,000
2.	Phụ cấp	225,445,000
3.	Lương tăng thêm	không có
4.	Các khoản chi khác có tính chất như lương	không có

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ:

STT	Nội dung chi	Số tiền (đơn vị tính đồng)
1.	Chi mua sắm	820.000.000 đ
2.	Duy tu sửa chữa	480.000.000 đ
3.	Bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất	không có
4.	Trang thiết bị	750.000.000 đ
5.	Thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ	không có

- Chi hỗ trợ người học:

STT	Nội dung chi	Số tiền (đơn vị tính đồng)
1.	Học bổng	0
2.	Trợ cấp	0
3.	Hỗ trợ sinh hoạt	0
4.	Hoạt động phong trào	0
5.	Thi đua	0
6.	Khen thưởng	0

- Chi khác:

STT	Nội dung chi	Số tiền (đơn vị tính đồng)
1.	Không có	

- Các khoản thu và mức thu đối với người học:

+ Học phí:

+ Lệ phí:

+ Tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- +Giảm 10% học phí cho anh/em cùng học
- +Giảm 20% học phí cho nhân sự tham gia học
- +Giảm 15% học phí đối với học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn

- Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có):

.....

- Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

.....

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Ký tên, đóng dấu

ghi rõ họ và tên



Lưu Huy Khang

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM NGUYỄN QUỐC HIỆU 2

CÔNG KHAI VỀ HỌC PHÍ

Mã trung tâm: TTNN.TH-0638.2					
STT	Môn dạy	Tên chương trình giảng dạy	Khóa học	Học phí năm 2025	Ghi chú
1	Ngoại Ngữ	Tiếng anh Thiếu Nhi	Bậc A1 Pre-Kids 1-6	600.000 đ / tháng	
2	Ngoại Ngữ	Tiếng anh Thiếu Nhi	Bậc A2 Bronze Bee 1-6	650.000 đ / tháng	
3	Ngoại Ngữ	Tiếng anh Thiếu Nhi	Bậc A2 Silver Bee 1-4	650.000 đ / tháng	
4	Ngoại Ngữ	Tiếng anh Thiếu Nhi	Bậc A2 Gold Bee 1-4	650.000 đ / tháng	
5	Ngoại Ngữ	Tiếng anh Thiếu Niên	Bậc A1 IELTS Foundation 1	700.000 đ / tháng	
6	Ngoại Ngữ	Tiếng anh Thiếu Niên	Bậc A2 IELTS Foundation 2	700.000 đ / tháng	
7	Ngoại Ngữ	Tiếng anh Thiếu Niên	Bậc B1 IELTS Express	750.000 đ / tháng	
8	Ngoại Ngữ	Tiếng anh Thiếu Niên	Bậc B2 IELTS Essential	750.000 đ / tháng	
9	Ngoại Ngữ	Tiếng anh Thiếu Niên	Bậc C1 IELTS Power	800.000 đ / tháng	

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)


 Huy Khang

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM NGUYỄN QUỐC HIỆU 2

CÔNG KHAI
BÁO CÁO VỀ CHÍNH SÁCH HỌC BỔNG, CHÍNH SÁCH KHÁC

Mã trung tâm: TTNN.TH-0638.2						
STT	Mã trung tâm	Tên loại học bổng/ Chính sách khác	Năm 2025		Năm 2026	
			Số tiền/ xuất năm 2024	Số xuất trong năm 2025	Số tiền/ xuất năm 2025	Số xuất trong năm 2026
1	TTNN.TH-0638.2	Không	0	0	0	0

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
Ký tên, đóng dấu

ghi rõ họ và tên

Huy Khang

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM NGUYỄN QUỐC HIỆU 2

CÔNG KHAI
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
THƯỜNG XUYÊN

1. Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Giám đốc trung tâm: Lương Huy Khang.

Trình độ	Căn cước
Đại Học	079095037431

Tổng số giáo viên người Việt Nam: 7

Trình độ	Cơ hữu (người)	Thỉnh giảng (người)
Cao Đẳng	0	0
Đại học	7	0
Sau Đại học	0	0

- Tổng số giáo viên người nước ngoài: 0

Trình độ	Số Giấy phép động	Thời hạn
Cao Đẳng	0	0
Đại học	0	0
Sau Đại học	0	0

- Tổng số nhân viên: 1

Trình độ	Cơ hữu (người)	Thời vụ (người)
Cao Đẳng	0	
Đại học	1	
Sau Đại học		

2. Thông tin về cơ sở vật chất:

- Tổng số phòng học ngoại ngữ: 14

STT	Phòng	Diện tích (m ²)	Vị trí (tầng 1, 2,...)
1	Phòng học 1	16.49m ²	Tầng Trệt
2	Phòng học 2	16.49m ²	Tầng Trệt
3	Phòng học 3	20.15m ²	Tầng 1
4	Phòng học 4	28.41m ²	Tầng 1
5	Phòng học 5	23.22m ²	Tầng 1
6	Phòng học 6	23.22m ²	Tầng 1
7	Phòng học 7	20.15m ²	Tầng 2
8	Phòng học 8	28.41m ²	Tầng 2
9	Phòng học 9	16.44m ²	Tầng 2
10	Phòng học 10	23.18m ²	Tầng 2
11	Phòng học 11	20.15m ²	Tầng 3
12	Phòng học 12	28.41m ²	Tầng 3
13	Phòng học 13	16.44m ²	Tầng 3

14	Phòng học 14	23.18m2	Tầng 3
----	--------------	---------	--------

- Tổng số Phòng chức năng: 3

STT	Phòng	Diện tích (m ²)	Vị trí (tầng 1, 2,...)
1	Quầy ghi danh	54.35m2	Tầng trệt
2	Phòng test room	8.24m2	Tầng trệt

- Số lượng thiết bị dạy học hiện có:

STT	Tên thiết bị, đồ dùng dạy học (được trang bị trong phòng học)	Số lượng
1.	Bàn học sinh	242
2.	Ghế học sinh	242
3.	Bảng	14
4.	Máy tính	5
5.	Máy chiếu	8
6.	Tivi	7
7.	Máy lạnh	15

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục: (Nếu có)

2.1. Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về nhà cung cấp chương trình

- Tên chương trình:

- Quốc gia cung cấp:

- Thông tin chi tiết về nhà cung cấp chương trình:

2.2. Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục:

2.3. Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục:

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ và tên)



Huy Khang

CÔNG KHAI KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục trong năm học:

1.1. Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục:

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông, sinh viên

- Các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh: Mỗi tháng

- Các thông tin liên quan khác: không có

1.2. Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục:

1.3. Các chương trình giáo dục thực hiện tại cơ sở giáo dục:

Chương trình tiếng Anh thiếu nhi:

1.1 Các khoá học và nội dung đào tạo:

Quy đổi	Khoá học	Nội dung
CEFR		
Starter		
A1	Pre-kids 1 - 6	Các bé được xây dựng nền tảng từ vựng, cách phát âm, và có thể <u>vừa chơi vừa học</u> trong môi trường thân thiện.
A1	Bronze Bee 1-4	Các bé làm quen với những từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản, tập trung vào các chủ đề gần gũi xung quanh.
Mover		
A2	Silver Bee 1-4	Các bé có thể hiểu được các từ vựng và cấu trúc đơn giản, và trong giai đoạn này, các bé được <u>nâng cấp lượng từ vựng</u> và học các <u>cấu trúc phức tạp hơn</u> .
Flyer		
A2	Gold Bee 1-4	Các bé đã hình thành tư duy phân biện và mong muốn được giao tiếp, tranh luận với bạn bè nhiều hơn, vậy nên giai đoạn này chương trình học tập trung phát triển <u>toàn diện 4 kỹ năng</u> Nghe, Nói, Đọc, Viết và tư duy để các bé có thể <u>phát triển các đoạn hội thoại</u> khi giao tiếp với thầy cô và bạn bè.

2. Chương trình tiếng Anh IELTS:

2.1 Các khoá học và nội dung đào tạo:



Quy đổi	Khoá học	Nội dung
CEFR		
A1	IELTS Foundation 1 (tương đương 0-3.5)	- Giúp học viên xây dựng sự tự tin trong suốt khoá học và là nền tảng vững chắc trong các giai đoạn sau. - Học viên bắt đầu có ý tưởng và làm quen với những gì sẽ gặp trong bài kiểm tra.
A2	IELTS Foundation 2 (tương đương 3.5 – 4.5)	- Các chủ đề được thiết kế phù hợp với nhu cầu và khả năng của học viên nhằm giúp học viên phát triển các kỹ năng và kiến thức liên quan đến các vấn đề hàng ngày. - Giúp học viên xây dựng sự tự tin trong suốt khoá học và là nền tảng vững chắc trong các giai đoạn sau. - Học viên bắt đầu có ý tưởng và làm quen với những gì sẽ gặp trong bài kiểm tra.
B1	IELTS Express (tương đương 4.5-5.5)	- Các chủ đề học được lựa chọn dựa trên các chủ đề phổ biến trong kỳ thi. - Ngôn ngữ và việc phát triển toàn diện các kỹ năng được xây dựng dựa trên những nghiên cứu và xem xét các lỗi mà học sinh ở cấp độ này thường mắc phải trong bài thi IELTS.
B2	IELTS Essential (tương đương 5.5 – 6.5)	- Các chủ đề được chọn phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh ở cấp độ này. Đó là những chủ đề xuất hiện trong bài kiểm tra IELTS, nhưng đã được điều chỉnh theo nhu cầu và sở thích của học viên. - Bao gồm đầy đủ các bài kiểm tra cả ở sách và trong các mô-đun online. Tuy nhiên, chương trình vẫn nhấn mạnh vào các phần của bài kiểm tra giúp học viên chinh phục 6 hoặc 6.5 cũng như tối đa hóa cơ hội đạt được số điểm mà học viên cần. - Ngữ pháp và từ vựng được tích hợp vào phát triển kỹ năng, nên học viên có thể cải thiện kỹ năng ngôn ngữ cũng như các kỹ năng cần học để đạt được điểm số mong muốn.
C1	IELTS Power (tương đương 6.5 – 7.0)	- Tất cả các chủ đề đều mang tính chuyên sâu nhằm giúp học viên có được kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ vững chắc để chinh phục band điểm như mong muốn. - Song song với chương trình học chính khoá là những buổi giải đề, nhằm giúp học viên làm quen với áp lực phòng thi.- Giúp học sinh đạt được điểm tối thiểu là 6.5 trong bài thi IELTS

1.4. Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội đối với các chương trình giáo dục thường xuyên giảng dạy cho học viên dưới 18 tuổi: Không

1.5. Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học viên ở cơ sở giáo dục: Tổ chức dạy học trong lớp

2. Thông tin về kết quả hoạt động giáo dục trong năm học trước:

1.1. Kết quả tuyển sinh trong năm học trước: không

1.2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo

dục tích hợp phải công khai thêm nội dung: số lượng người học đang học. (chia theo số lượng người học là người Việt Nam, số lượng người học là người nước ngoài):

1.3. Kết quả thi các chứng chỉ quốc tế (nếu có):

Tên chứng chỉ	Số lượng học viên đạt
không	không

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Ký tên, đóng dấu
ghi rõ họ và tên


Nguyễn Huy Khang



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM NGUYỄN QUỐC HIỆU 2

CÔNG KHAI DANH SÁCH GIÁO VIÊN NGƯỜI VIỆT NAM

Mã trung tâm: TTNN.TH-0638.2								
STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Cơ hữu/Thỉnh giảng	Ngày ký hợp đồng	Đóng BHXH
1	Dương Khả Tú	21/10/1997	Đại học	Sư Phạm Tiếng Anh	Có	Cơ hữu	22/05/2025	Có
2	Huỳnh Phan Thanh Thanh	30/06/1998	Đại học	Sư Phạm tiếng anh	Có	Cơ hữu	15/05/2025	Có
3	Lý Mỹ Trinh	23/09/1995	Đại học	Sư Phạm Tiếng Anh	Có	Cơ hữu	07/05/2025	Có
4	Nguyễn Cao Dân	20/01/1997	Đại học	Sư Phạm Tiếng Anh	Có	Cơ hữu	06/05/2025	Có
5	Nguyễn Trần Minh Trang	09/10/1997	Đại học	Sư Phạm Tiếng Anh	Có	Cơ hữu	19/05/2025	Có
6	Nguyễn Võ Thảo Hiền	18/01/2002	Đại học	Sư Phạm Tiếng Anh	Có	Cơ hữu	13/05/2025	Có
7	Trần Mai Trúc	03/07/2001	Đại học	Ngôn Ngữ Anh	Có	Cơ hữu	10/05/2025	Có

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Ký tên, đóng dấu



ghi rõ họ và tên

Huy Khang

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM NGUYỄN QUỐC HIỆU 2

CÔNG KHAI
DANH SÁCH GIÁO VIÊN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Mã trung tâm: TTNN.TH-0638.2										
STT	Họ và tên	Năm sinh	Số hộ chiếu	Quốc tịch	Trình độ	Chuyên môn	Số giấy phép lao động	Ngày cấp giấy phép lao động	Ngày ký hợp đồng	Thực hiện chế độ chính sách
1	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Ký tên, đóng dấu

ghi rõ họ và tên



Huy Khang

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM NGUYỄN QUỐC HIỆU 2

CÔNG KHAI DANH SÁCH NHÂN VIÊN

Mã trung tâm: TTNN.TH-0638.2						
STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Ngày ký HD LĐ động	Đóng BHXH	Vị trí việc làm
1	Dương Khả Tú	21/10/1997	Đại học	22/05/2025	Có	Giáo viên
2	Huỳnh Phan Thanh Thanh	30/06/1998	Đại học	15/05/2025	Có	Giáo viên
3	Lương Huy Khang	12/03/1995	Đại học	02/05/2025	Có	Giám Đốc
4	Lý Mỹ Trinh	23/09/1995	Đại học	07/05/2025	Có	Giáo viên
5	Nguyễn Cao Dân	20/01/1997	Đại học	06/05/2025	Có	Giáo viên
6	Nguyễn Hồng Hoàng Yến	10/02/2001	Đại học	24/04/2025	Có	Nhân viên
7	Nguyễn Trần Minh Trang	09/10/1997	Đại học	19/05/2025	Có	Giáo viên
8	Nguyễn Võ Thảo Hiền	18/01/2002	Đại học	13/05/2025	Có	Giáo viên
9	Trần Mai Trúc	03/07/2001	Đại học	10/05/2025	Có	Giáo viên

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Ký tên, đóng dấu

ghi rõ họ và tên
TRUNG TÂM
NGOẠI NGỮ
NGUYỄN
QUỐC HIỆU 2
Huy Khang

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2026

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
TRUNG TÂM NGUYỄN QUỐC HIỆU 2**

Trung tâm báo cáo về tình hình hoạt động trung tâm, cụ thể như sau:

Thông tin Trung tâm ngoại ngữ:

- | | |
|--|--|
| + Tên Trung tâm: | TRUNG TÂM NGUYỄN QUỐC HIỆU 2 |
| + Địa chỉ hoạt động: | 721-723 Hậu Giang, Phường Bình Phú, TPHCM |
| + Họ và tên Giám đốc Trung tâm: | Lương Huy Khang |
| + Số điện thoại trung tâm: | 093.167.3679 |
| + Website trung tâm: | nqhielts.edu.vn |
| + Tên Công ty: | Công Ty TNHH Phát Triển Giáo Dục NQH ENGLISH |
| + Địa chỉ Công ty: | 70 Nguyễn Quang Bích, Phường Tân Bình, TPHCM |
| + Vốn đầu tư: | Trong nước |
| + Người được ủy quyền (người sẽ tiếp đoàn kiểm tra nếu có. Lưu ý được ủy quyền bởi Giám đốc trung tâm) | |
| o Họ và tên: | |
| o Chức vụ: | |

1. Hồ sơ pháp lý:

Tên giấy chứng nhận	Mã số Giấy chứng nhận	Ngày đăng ký lần đầu	Thay đổi lần thứ	Ngày cấp thay đổi	Cơ quan cấp
Giấy CNĐK doanh nghiệp	0316920211	28/06/2021	7	09/05/2025	Sở KHĐT
Giấy CNĐK hoạt động chi nhánh	0316920211-006	28/03/2025			Sở KHĐT TPHCM
Tên quyết định		Số quyết định	Ngày cấp quyết	Cơ quan cấp	
QĐ cho phép thành lập		1394/QĐ-SGDĐT	10/9/2025	Sở GD và ĐT TPHCM	
QĐ công nhận Giám đốc Trung tâm		1614/QĐ-SGDĐT	07/10/2025	Sở GD và ĐT TPHCM	

2. Hồ sơ nhân sự:

- Thông tin Giám đốc trung tâm:

Họ và tên Giám đốc trung tâm	Năm sinh	Nhiệm kỳ	Trình độ	Chuyên ngành
Lương Huy Khang	1997	2025-2030	Cử Nhân	Sư Phạm Tiếng Anh

- | | |
|--|------------------------|
| - Tổng số nhân viên (không tính giáo viên; | trong đó: 1 giám đốc): |
| + Số nhân viên chính thức: | 1 Người. |
| + Số nhân viên thời vụ:: | 0 Người. |
| - Tổng số giáo viên Việt Nam: | 7 giáo viên; trong đó: |
| + Số giáo viên cơ hữu: | 7 Người. |
| + Số giáo viên thỉnh giảng: | 0 Người. |
| - Tổng số giáo viên người nước ngoài: | 0 giáo viên; trong đó: |
| + Có giấy phép lao động: | 0 Người. |

- + Miễn giấy phép lao động: 0 Người.
 + Chưa có giấy phép lao động: 0 Người.

3. Chế độ, chính sách:

- Ký hợp đồng lao động: 9 Người; trong đó:
 + Giám đốc trung tâm: 1 Người,
 + Nhân viên: 1 Người,
 + Giáo viên cơ hữu: 7 Người,
 + Giáo viên thỉnh giảng: 0 Người,
 + Người nước ngoài: 0 Người.
 - Thực hiện đóng bảo hiểm xã hội: 9 Người; trong đó:
 + Giám đốc trung tâm: 1 Người,
 + Nhân viên: 1 Người,
 + Giáo viên cơ hữu: 7 Người,
 + Giáo viên thỉnh giảng: 0 Người,
 + Người nước ngoài: 0 Người.

4. Cơ sở vật chất, thiết bị dụng cụ dạy học:

- Hợp đồng thuê nhà/ văn phòng:

Ngày ký hợp đồng	Thời hạn (năm)	Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm	Mục đích thuê	Cơ quan công chứng hợp đồng	Ngày công chứng
04/01/2024	9	26/12/2023	28/02/2033	Làm trung tâm dạy học	Văn Phòng Công chứng Ninh Thị Hiền	03/03/2025

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Họ tên chủ sở hữu nhà	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp	Cơ quan cấp
Kiều Văn Hai	CH22931	04/08/2014	Ủy ban Nhân dân Quận 6

- Diện tích mặt bằng: 428,9 m²

- Số tầng: 3

- Tổng số phòng học: 14

STT	Phòng	Diện tích (m ²)	Vị trí (tầng 1, 2,...)
1	Phòng học 1	16.49m ²	Tầng Trệt
2	Phòng học 2	16.49m ²	Tầng Trệt
3	Phòng học 3	20.15m ²	Tầng 1
4	Phòng học 4	28.41m ²	Tầng 1
5	Phòng học 5	23.22m ²	Tầng 1
6	Phòng học 6	23.22m ²	Tầng 1
7	Phòng học 7	20.15m ²	Tầng 2
8	Phòng học 8	28.41m ²	Tầng 2
9	Phòng học 9	16.44m ²	Tầng 2
10	Phòng học 10	23.18m ²	Tầng 2
11	Phòng học 11	20.15m ²	Tầng 3
12	Phòng học 12	28.41m ²	Tầng 3
13	Phòng học 13	16.44m ²	Tầng 3
14	Phòng học 14	23.18m ²	Tầng 3

- Tổng số phòng chức năng: 2 phòng; trong đó:

STT	Phòng	Diện tích (m ²)	Vị trí (tầng 1, 2,...)	Trang, thiết bị
-----	-------	-----------------------------	------------------------	-----------------

1	Quầy ghi danh	54.35m ²	Tầng trệt	- 01 bàn tiếp tân với 02 chỗ ngồi cho nhân viên kế toán thu tiền và nhân viên lễ tân. - 02 bộ bàn ghế tròn cho khách hàng. - Tủ đựng brochures, flyers về các chương trình học, và thông tin về giáo viên. - Đèn trần chiếu sáng đảm bảo đủ chiếu sáng trong phòng. - 01 máy điều hoà.
2	Phòng test room	8.24m ²	Tầng trệt	- Đèn trần chiếu sáng đảm bảo đủ chiếu sáng trong phòng. - 01 máy điều hoà. - 01 máy chiếu - 01 bộ loa âm li - 3 bộ bàn ghế cá nhân cho học viên

Tên	Số lượng	Tình trạng
Lối thoát hiểm	2	Thông thoáng
Đèn chiếu sáng sự cố	7	Sử dụng tốt
Nhà vệ sinh	5	Thông thoáng, sạch sẽ
Bình chữa cháy	6	Thời hạn bình chữa cháy 10.9.2026

- Thiết bị, đồ dùng dạy học:

STT	Tên thiết bị, đồ dùng dạy học (được trang bị trong phòng học)	Số lượng
1.	Bàn học sinh	242
2.	Ghế học sinh	242
3.	Bảng	14
4.	Máy tính	5
5.	Máy chiếu	8
6.	Tivi	7
7.	Máy lạnh	15

- Biên bản kiểm tra về an toàn PCCC:

Ngày kiểm tra	Cơ quan kiểm tra
19/05/2025	Phòng Cảnh Sát PCCC&CNCH – Công an TPHCM

5. Thực hiện chương trình giảng dạy:

(tên môn dạy và chương trình được Sở cấp phép trên Quyết định cho phép hoạt động)

1.1. Chương trình tiếng Anh thiếu nhi:

a) Các khóa học và nội dung đào tạo

Quy đổi	Khoá học	Nội dung	Số giờ học		Tổng giờ học
CEFR			Lý thuyết	Thực hành	
Starters					
A1	Pre-kids 1 - 6	Các bé được xây dựng nền tảng từ vựng, cách phát âm, và có thể <u>vừa chơi vừa học</u> trong môi trường thân thiện.	27 giờ	18 giờ	45 giờ

A1	Bronze Bee 1-4	Các bé làm quen với những từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản, tập trung vào các chủ đề gần gũi xung quanh.	32 giờ	26.5 giờ	58.5 giờ
Movers					
A2	Silver Bee (1-4)	Các bé có thể hiểu được các từ vựng và cấu trúc đơn giản, và trong giai đoạn này, các bé được <u>nâng cấp lượng từ vựng</u> và học các <u>cấu trúc phức tạp hơn</u> .	32 giờ	26.5 giờ	58.5 giờ
Flyers					
A2	Gold Bee 1-4	Các bé đã hình thành tư duy phân biện và mong muốn được giao tiếp, tranh luận với bạn bè nhiều hơn, vậy nên giai đoạn này chương trình học tập trung phát triển <u>toàn diện 4 kỹ năng</u> Nghe, Nói, Đọc, Viết và tư duy để các bé có thể <u>phát triển các đoạn hội thoại</u> khi giao tiếp với thầy cô và bạn bè.	32 giờ	26.5 giờ	58.5 giờ

b) Tài liệu giảng dạy

Khoá học	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Cơ quan phát hành
Pre-kids 1	Super Safari 1	Herbert Puchta	Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Pre-kids 2			Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Pre-kids 3			Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Pre-kids 4	Show and tell 1	Oxford University Press	Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Pre-kids 5			Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Pre-kids 6			Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Bronze Bee 1	Everybody Up 1	Patrick Jackson, Susan Banman Sileci, Kathleen Kampa, Charles Vilina	Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Bronze Bee 2			Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Bronze Bee 3		Patrick Jackson, Susan Banman	Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

Bronze Bee 4	Everybody Up 2	Sileci, Kathleen Kampa, Charles Vilina	Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Silver Bee 1	Everybody Up 3	Patrick Jackson, Susan Banman Sileci, Kathleen Kampa, Charles Vilina	Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Silver Bee 2			Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Silver Bee 3	Everybody Up 4	Patrick Jackson, Susan Banman Sileci, Kathleen Kampa, Charles Vilina	Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Silver Bee 4			Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Gold Bee 1	Everybody Up 5	Patrick Jackson, Susan Banman Sileci, Kathleen Kampa, Charles Vilina	Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Gold Bee 2			Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Gold Bee 3	Everybody Up 6	Patrick Jackson, Susan Banman Sileci, Kathleen Kampa, Charles Vilina	Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
Gold Bee 4			Oxford University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

1.2. Chương trình tiếng Anh IELTS :
a) Các khóa học và nội dung đào tạo:

Quy đổi	Khóa học	Nội dung	Số giờ học		Tổng giờ học
CEFR			Lý thuyết	Thực hành	
A1	IELTS Foundation 1 (tương đương 0-3.5)	- Giúp học viên xây dựng sự tự tin trong suốt khóa học và là nền tảng vững chắc trong các giai đoạn sau. - Học viên bắt đầu có ý tưởng và làm quen với những gì sẽ gặp trong bài kiểm tra.	45 giờ	15 giờ	60 giờ
A2	IELTS Foundation 2 (tương đương 3.5-4.5)	- Các chủ đề được thiết kế phù hợp với nhu cầu và khả năng của học viên nhằm giúp học viên phát triển các kỹ năng và kiến thức liên quan đến các vấn đề hàng ngày. - Giúp học viên xây dựng sự tự tin trong suốt khóa học và là nền tảng vững chắc trong các giai đoạn sau. - Học viên bắt đầu có ý tưởng và làm quen với những gì sẽ gặp trong bài kiểm tra.	45 giờ	15 giờ	60 giờ

B1	IELTS Express (tương đương 4.5-5.5)	- Các chủ đề học được lựa chọn dựa trên các chủ đề phổ biến trong kỳ thi. - Ngôn ngữ và việc phát triển toàn diện các kỹ năng được xây dựng dựa trên những nghiên cứu và xem xét các lỗi mà học sinh ở cấp độ này thường mắc phải trong bài thi IELTS.	90 giờ	30 giờ	120 giờ
B2	IELTS Essential (tương đương 5.5-6.5)	- Các chủ đề được chọn phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh ở cấp độ này. Đó là những chủ đề xuất hiện trong bài kiểm tra IELTS, nhưng đã được điều chỉnh theo nhu cầu và sở thích của học viên. - Bao gồm đầy đủ các bài kiểm tra cả ở sách và trong các mô-đun online. Tuy nhiên, chương trình vẫn nhấn mạnh vào các phần của bài kiểm tra giúp học viên chinh phục 6 hoặc 6.5 cũng như tối đa hóa cơ hội đạt được số điểm mà học viên cần. - Ngữ pháp và từ vựng được tích hợp vào phát triển kỹ năng, nên học viên có thể cải thiện kỹ năng ngôn ngữ cũng như các kỹ năng cần học để đạt được điểm số mong muốn.	90 giờ	30 giờ	120 giờ
C1	IELTS Power (tương đương 6.5-7.0)	- Tất cả các chủ đề đều mang tính chuyên sâu nhằm giúp học viên có được kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ vững chắc để chinh phục band điểm như mong muốn. - Song song với chương trình học chính khoá là những buổi giải đề, nhằm giúp học viên làm quen với áp lực phòng thi.- Giúp học sinh đạt được điểm tối thiểu là 6.5 trong bài thi IELTS	90 giờ	30 giờ	120 giờ

b) Tài liệu giảng dạy

Khoá học	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Cơ quan phát hành
IELTS Foundation 1	Mindset Foundation	Greg Archer, Joanna Kosta, Lucy Pasmore, Jishan Uddin	Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

IELTS Foundation 2	Mindset Foundation	Greg Archer, Joanna Kosta, Lucy Pasmore, Jishan Uddin	Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
IELTS Express	Mindset level 1	Peter Crosthwaite, Susan Hutchison, Claire Wijayatilake, Natasha De Souza	Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
IELTS Essential	Mindset level 2	Peter Crosthwaite, Natasha De Souza, Marc Loewenthal	Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)
IELTS Power	Mindset level 3	Greg Archer, Claire Wijayatilake	Cambridge University Press	Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (Fahasa)

- Hình thức giảng dạy: trực tiếp

6. Công tác tuyển sinh và tổ chức lớp học:

(tên môn dạy và chương trình được Sở cấp phép trên Quyết định cho phép hoạt động)

STT	Môn dạy	Tên chương trình	Tên lớp	Số lớp	Số lượng học viên	Học phí
1	Ngoại Ngữ	Tiếng Anh Thiếu Nhi	Pre Kids 1-6	3	36	600.000 đ / tháng
2	Ngoại Ngữ	Tiếng Anh Thiếu Nhi	Bronze Bee 1-4	8	87	650.000 đ / tháng
3	Ngoại Ngữ	Tiếng Anh Thiếu Nhi	Silver Bee 1-4	6	49	650.000 đ / tháng
4	Ngoại Ngữ	Tiếng Anh Thiếu Nhi	Gold Bee 1-4	2	19	650.000 đ / tháng
5	Ngoại Ngữ	Tiếng Anh Thiếu Niên	IELTS Foundation 1	3	43	700.000 đ / tháng
6	Ngoại Ngữ	Tiếng Anh Thiếu Niên	IELTS Foundation 2	2	28	700.000 đ / tháng
7	Ngoại Ngữ	Tiếng Anh Thiếu Niên	IELTS Express	1	10	750.000 đ / tháng
8	Ngoại Ngữ	Tiếng anh Thiếu Niên	IELTS Essential	1	12	750.000 đ / tháng
9	Ngoại Ngữ	Tiếng anh Thiếu Niên	IELTS Power	0	0	800.000 đ / tháng

- Tổng số lớp: 26 lớp.
- Tổng số học viên: 284 học viên.
- Số học viên đã đi thi và được cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học quốc tế: 0
- Hồ sơ quản lý lớp học: có

7. Quản lý thu học phí:

- Hình thức thu học phí: tiền mặt/ chuyển khoản
- Sử dụng biên lai, phiếu thu: có
- Học phí được thu phí 1 lần theo:

1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	12 tháng	> 12 tháng	Theo hình thức khác
	X	X	X			Theo khóa

(đơn vị đánh dấu "X" vào cột tương ứng với hình thức thu học phí của trung tâm).

8. Về thực hiện chế độ báo cáo:

Loại báo cáo	Tình trạng nhập liệu/ báo cáo	Lý do nhập chưa đầy đủ hoặc chưa nhập/báo cáo
Nhập liệu lên phần mềm quanlyncl.hcm.edu.vn	có	
Báo cáo quý	có	
Công văn số 3673/SGDDĐT-GDNCL về việc thực hiện báo cáo công khai giá của trung tâm ngoại ngữ, tin học	có	

9. Thực hiện nghĩa vụ Thuế:

- Thực hiện đóng nghĩa vụ thuế:

Loại Thuế	Minh chứng thực hiện
Thuế Môn bài	Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 27 tháng 02 năm 2026 về đóng lệ phí Môn bài năm 2025
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	Không phát sinh
Thuế Thu nhập Cá nhân	Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 04 tháng 05 năm 2026 về đóng Thuế TNCN kỳ tính thuế Q4.2025

10. Về quản lý và sử dụng con dấu trung tâm:

- Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu trung tâm: có
- Quy chế sử dụng con dấu: có
- Phân công người giữ dấu: có

11. Về tham dự các buổi tập huấn, lưu trữ tài liệu và triển khai thực hiện: Có

12. Thực hiện công khai theo thông tư số 09/2024/TT-BGDDT:

13.1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục: nghielts.edu.vn

13.2. Niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục, đảm bảo thuận lợi cho người lao động, giáo viên, phụ huynh học sinh và học sinh tiếp cận thông tin: Có. Phòng ghi danh.

13.3. Phổ biến hoạt phát tài liệu: không có

13.4. Nội dung công khai

Nội dung công khai	Tại trung tâm	Cổng thông tin điện tử
1. Công khai thông tin chung về cơ sở giáo dục	Có	Có
2. Công khai thông tin về thu, chi tài chính		
+ Các khoản thu và mức thu đối với người học	Có	Có
+ Chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính cho người học	Có	Không có
3. Thông tin theo từng cấp học và trình độ đào tạo		
+ Chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy	Có	Có
+ Kế hoạch tổ chức các khóa học	Có	Có
+ Kết quả học tập của học viên	Có	Có

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Trung tâm Nguyễn Quốc Hiệu 2

Trung tâm Nguyễn Quốc Hiệu 2 cam kết thông tin và số liệu báo cáo đúng với tình hình thực tế của đơn vị.

Trân trọng./.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên



Huy Khang